

Bản án số: 89/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2017

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ TRẦN XUÂN VẪN

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông VÕ KẾ AN

2) Ông HUỖNH VĂN THANH

Thư ký phiên tòa: Bà TRẦN THỊ KIM THÚY, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: ông TRẦN VĂN TRUYỀN
– Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 78/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2017, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị PHẠM NGỌC P, sinh năm: 1987 (*có mặt*)

Địa chỉ: số 109/90, Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh NGUYỄN MINH T, sinh năm: 1989 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Ngọc P trình bày: Chị và anh T do quen biết nên tiến tới hôn nhân vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 12/11/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2015 đến nay cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường

xuân gây gổ, cãi vã nhau. Nguyên nhân là do phía anh T không lo làm ăn chăm lo hạnh phúc gia đình. Chị P đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Hiện anh, chị đã ly thân từ tháng 10/2015 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Chấn N, sinh ngày 03/8/2013 và Nguyễn Phạm Chấn P, sinh ngày 11/10/2015 hiện do chị P đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị P giữ nguyên yêu cầu ly hôn, giữ nguyên yêu cầu nuôi con chung, xin thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Bị đơn anh T đã được triệu tập để xét xử lần thứ hai nhưng vắng không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định tại các Điều 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự .

- Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị P ly hôn với anh T

+ Về con chung: giao chị P nuôi, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: không có.

+ Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Phạm Ngọc P và anh Nguyễn Minh T là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Minh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân: Tại phiên tòa, chị Phạm Ngọc P giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, mặc dù hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 112 ngày 12/11/2013 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, hiện tại cuộc sống hôn nhân của anh, chị đã không còn hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 10/2015 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Phía anh T từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đã không đến dự theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn mà chị P đưa ra chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn đối với cuộc hôn nhân này. Tại phiên tòa, chị P khẳng định không còn tình cảm với anh

T, không mong muốn đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị P và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Chấn N, sinh ngày 03/8/2013 và Nguyễn Phạm Chấn P, sinh ngày 11/10/2015 hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Bị đơn anh T không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng của chị P. Xét thấy, hiện tại 02 cháu Chấn N và Chấn P đang sống cùng chị P, cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt. Theo biên bản xác nhận ngày 08/3/2017 của chính quyền địa phương T, xã S thì hiện tại chị P có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc 02 con chung. Đối với anh T, từ lúc hai bên phát sinh mâu thuẫn đến nay, anh không thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc con chung cũng không có ý kiến trình bày nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung, nghĩ nên tiếp tục giao 02 cháu Nguyễn Phạm Chấn N và Nguyễn Phạm Chấn P cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị P xin rút lại yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu, chị chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng của chị P là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P. Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với số tiền là 650.000 đồng/tháng/cháu.

[5] Về tài sản chung: không có.

[6] Nợ chung: không có.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị P phải chịu án phí HNST, anh T phải chịu án phí DSST đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 28, 147, 203, 220, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ngọc P.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Ngọc P được ly hôn với anh Nguyễn Minh T;

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Phạm Chấn N, sinh ngày 03/8/2013 và Nguyễn Phạm Chấn P, sinh ngày 11/10/2015 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 650.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, lao động được;

Anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có;

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: chị Phạm Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14192 ngày 07/3/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như đã thi hành xong.

Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6. Chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CCTHA DS huyện C;
- UBND xã L, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trần Xuân Văn